

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2020

(V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Trần Văn H** - sinh năm 1982 (*có mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H1, huyện U, TP. Hà Nội

* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thanh N** - sinh năm 1979 (*vắng mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã C, huyện U, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai anh Trần Văn H là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 năm 2017. Trước khi kết hôn, anh và chị N đều đã từng có gia đình riêng và đã ly hôn. Sau khi kết hôn, mẹ con chị N và anh đều sinh sống và mở cửa hàng ăn tại quê anh. Giai đoạn đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc xong sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; chị N thì cho rằng anh không tu chí làm ăn. Anh đã giải thích, phân tích nhưng chị không hiểu xong cả anh và chị N cũng cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ chồng càng phai nhạt bấy nhiêu. Đặc biệt chung sống với nhau được khoảng 5 tháng thì vợ chồng xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và chị N đã đưa các con riêng của chị

về ngoại ở. Từ đó vợ chồng sống ly thân nhau hơn hai năm nay. Không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Về con chung, chưa có. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thanh N là bị đơn trình bày: Trước khi chị và anh H kết hôn thì cả hai đã từng có gia đình riêng. Chị và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 năm 2017. Sau khi kết hôn, chị cùng các con riêng của chị về quê anh H sinh sống và mở cửa hàng kinh doanh. Trong cuộc sống, anh H không tu chí làm ăn, chơi bời rồi chửi đánh chị, hành hạ mẹ con chị rất nhiều. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng chị không muốn để ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển của các con nên chung sống với nhau được mấy tháng thì chị đưa các con về ngoại ở cho đến nay khoảng hai năm. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly thân cũng đã quá lâu không thể quay về đoàn tụ nhưng trước khi kết hôn, chị có đưa anh H vay 11.500.000đ. Anh H trả tiền thì chị đồng ý ly hôn. Ngoài ra chị được biết anh H có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ tên Hương ở Xuân Mai và đã có con riêng nên chị đề nghị Tòa xem xét giải quyết. Về con chung và tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H có mặt, chị N vắng mặt và đều không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho anh Trần Văn H ly hôn chị Nguyễn Thanh N. Anh H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập chị Nguyễn Thanh N đến tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị N không có mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên tòa ngày 31/8/2020 nhưng chị N vắng mặt, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại

phiên toà mở lần 2, anh H có mặt, chị N vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 10/8/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân hai năm nay. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian nên đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Quan điểm của chị N vợ chồng mâu thuẫn đã ly thân hai năm, không thể quay về đoàn tụ nhưng anh H trả chị 11.500.000đ thì chị đồng ý ly hôn; đồng thời anh H chung sống với một người phụ nữ tên Hương và đã có con riêng. Xong Tòa yêu cầu chị N cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến nội dung chị cho anh H vay tiền và nội dung anh H có con riêng thì chị N không cung cấp. Anh H thì không thừa nhận.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, UBND xã H1 và UBND xã C cung cấp: Trước khi kết hôn, anh H và chị N đều ly hôn. Sau khi kết hôn, thì hai anh chị chung sống một thời gian thì ly thân nhau khoảng 2 năm nay. Nguyên nhân, địa phương nắm bắt do bất đồng quan điểm sống, còn việc anh H chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác và có con riêng thì địa phương không có căn cứ. Xong anh H có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết.

Chị N cho rằng anh H trả tiền cho chị thì chị đồng ý ly hôn nhưng lại không quay về đoàn tụ. Quan điểm của chị N không rõ ràng, không mong muốn đoàn tụ nhưng cũng không đồng ý ly hôn. Bản thân anh H và chị N đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân đã hai năm, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng anh H, chị N không đạt; mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thanh N đều xác nhận chưa có, không đề nghị Tòa giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thanh N đều xác nhận không có và đều không đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Đối với nội dung chị N trình bày cho anh H vay 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*); chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và anh H không thừa nhận, nên Hội đồng xét xử quyết định tách yêu cầu của chị N về nội dung yêu cầu anh H trả chị số tiền 11.500.000đ ra để giải quyết ở vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh **Trần Văn H** được ly hôn chị **Nguyễn Thanh N**.

2. Về tài sản, công nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thanh N đều không yêu cầu giải quyết.

Về nợ riêng: Dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thanh N về yêu cầu anh Trần Văn H trả số tiền chị cho vay riêng 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) ở vụ án khác, theo đúng quy định pháp luật.

3. Về án phí: Trần Văn H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0009723 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện